

NÂNG CAO TÍNH GIAO TIẾP TRONG DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH Ở HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG*

Ngày nhận bài: 11/07/2016; ngày sửa chữa: 11/07/2016; ngày duyệt đăng: 15/07/2016.

Abstract: The aim of learning a foreign language is to improve learners' communicative competence. To achieve this goal, the teaching of language elements and skills in general as well as grammar in particular should be done by means of communication enhancement approach. At Military Technical Academy, the effectiveness of grammar teaching is quite limited as students have not applied much of their grammar knowledge in communication, both spoken and written form. Communication is often poorly performed via simple structures and basic verb tenses. This fact has certainly led to the need of improving communicativeness in grammar teaching in a non-English major environment like Military Technical Academy. This article points out the role of grammar teaching, the communicativeness in grammar teaching, the fact and the solutions to boost communicative effectiveness.

Keywords: Grammar teaching, communicativeness, non-English major environment.

1. Đường hướng giao tiếp (Communicative Approach)

1.1. Vào những năm 60 của thế kỷ XX, đường hướng giao tiếp (ĐHGT) ra đời xuất phát từ sự phê phán của các nhà ngôn ngữ học khi cho rằng ngôn ngữ vẫn chưa phản ánh rõ tính sáng tạo và tính độc nhất (uniqueness) trong câu nói của mỗi cá nhân. Đồng thời, phương pháp (PP) dạy ngoại ngữ hiện tại cũng chưa giải quyết thỏa đáng tính chức năng và tính giao tiếp (GT) của ngôn ngữ, nó đã tạo ra những người học có năng lực về cấu trúc (structurally competent) nhưng lại không có năng lực về GT (communicatively incompetent). Năng lực GT không chỉ là khả năng hình thành cấu trúc ngữ pháp (NP) đúng mà còn biết dùng cấu trúc đó đúng lúc, đúng nơi, đúng đối tượng (Richards & Platt, 1992; 65). Nói cách khác, năng lực GT đáp ứng được ba yêu cầu: trôi chảy, chính xác và phù hợp.

1.2. Ở ĐHG, các cấu trúc NP sẽ không bị tách rời khỏi ngữ cảnh mà sẽ được đặt trong các ngữ liệu thực (authentic materials) (sách, báo, bảng tin, chương trình, phỏng vấn...) để người học hiểu được ý nghĩa và cách sử dụng trong các tình huống GT thực. Tính GT trong dạy NP ở ĐHG được thể hiện rõ nét qua các đặc điểm: 1) Học NP thông qua việc kết hợp cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), qua tương tác giữa tài liệu - học viên (HV) - giảng viên (GV); 2) Chú trọng toàn diện cả cấu trúc, ý nghĩa và cách sử dụng; 3) Có sự tương thích giữa các hoạt động trước và trong GT. Người học hiểu quy tắc NP trước khi vận dụng vào các tình huống GT thực; 4) Trải nghiệm cá nhân trong cuộc sống của người học là thành tố quan trọng để hiểu và vận dụng các quy tắc NP khi thực hiện các

hoạt động GT như phỏng vấn, phân vai, thảo luận...; 5) Có sự liên kết giữa việc học ngôn ngữ trên lớp và việc sử dụng ngôn ngữ ngoài lớp học; 6) Nhấn mạnh vào việc sử dụng các ngữ liệu "nguyên gốc" lấy từ cuộc sống chứ không phải soạn dành riêng cho học trên lớp (sách, báo, tạp chí, truyền, tờ rơi, hướng dẫn, email, đĩa tiếng, đĩa hình...) và các tình huống thực (hỏi đường, đặt chỗ, làm quen, mua sắm...); 7) HV đóng vai trò trung tâm, chủ động, tích cực khám phá tri thức. GV đóng vai trò dẫn dắt, hỗ trợ, tổ chức, tư vấn, kiểm tra. Sự tương tác giữa người học và người dạy tạo nên một môi trường sinh động, hấp dẫn thay vì HV bị động thu nạp các kiến thức từ GV.

Khoảng cách giữa mục tiêu tăng cường năng lực GT của người học và thực tế giảng dạy NP ở môi trường ngoại ngữ không chuyên như ở Học viện Kỹ thuật quân sự đã đặt ra yêu cầu phải gia tăng tính GT trong các bài giảng NP. Dưới đây là các đề xuất sơ phạm để giải quyết yêu cầu đó.

2. Các nguyên tắc chung trong dạy học NP tiếng Anh theo ĐHG

2.1. Cấu trúc NP cần được đặt trong ngữ cảnh cụ thể nhằm giúp người học thấy được mối liên hệ giữa hiện tượng NP và ứng dụng GT của nó. Ví dụ, khi học về câu bị động, cần phải đưa ra các ví dụ câu bị động trong ngữ cảnh nói về các sản phẩm đặc trưng ở các nước: *Paper was invented in China; Rice is widely planted in the Southeast Asia region; Coca cola was first produced in America.* Từ đó, người học mới nhận thấy cách sử dụng của câu bị động là nhấn mạnh đối

* Học viện Kỹ thuật quân sự

tượng chịu tác động của hành động chứ không phải người thực hiện hành động. Điều cần chú ý ở nguyên tắc này là ngữ cảnh cần phải thật thì hoạt động GT mới có ý nghĩa. Chẳng hạn như khi dạy về cấu trúc với “so/such”, GV đưa ra tình huống “The box is so heavy that I can't carry it. It's such a heavy box! Who can help me?” (Cái hộp này nặng quá, tôi không thể bê nó được. Có ai giúp được tôi không?). Nếu như cái hộp đó nặng thật, thông qua trải nghiệm bê chiếc hộp, người học sẽ hiểu cấu trúc so/such để miêu tả một đặc điểm quá mức bình thường ở sự vật. Tình huống có thật mới làm cho GT có ý nghĩa và HV mới học được cách sử dụng cấu trúc NP một cách hiệu quả.

2.2. Trong ĐHG T, người học được khuyến khích tiếp xúc với các văn bản thực có chứa các hiện tượng NP, từ đó tự tìm hiểu, phát hiện ra cấu trúc, ý nghĩa, cách sử dụng các hiện tượng NP. GV đóng vai trò dẫn dắt, trợ giúp, tư vấn. Đây là PP quy nạp (inductive). Ngược lại theo PP diễn dịch (deductive), GV giải thích các cấu trúc NP sau đó đưa ra các ví dụ minh họa cũng như bài tập nhằm làm rõ cấu trúc NP đó. PP quy nạp yêu cầu người học tư duy nhiều, mất thời gian hơn nhưng người học sẽ hiểu và nhớ kiến thức lâu hơn. Ngược lại, ở PP diễn dịch, GV không mất nhiều thời gian dẫn dắt, người học không cần tư duy nhiều để tìm hiểu hiện tượng NP nên khả năng hiểu và nhớ sẽ hạn chế hơn. Do đó, nguyên tắc thứ hai để nâng cao tính GT trong dạy NP là *ưu tiên PP quy nạp hơn PP diễn dịch*.

2.3. Quy trình dạy NP phổ biến nhất là *Presentation - Practice - Production*. Tuy nhiên, GV có thể lựa chọn các quy trình khác để bài giảng thêm đa dạng, sinh động, gây hứng thú và tăng cường năng lực GT cho HV. Chẳng hạn, quy trình *Production - Presentation - Practice - Production* (mở rộng từ quy trình trên). Ở quy trình này, bài học NP bắt đầu bằng giai đoạn sản sinh để GV nắm bắt được mức độ người học biết về một hiện tượng NP nào đó. Tiếp theo, đến giai đoạn trình bày (presentation), GV cung cấp thêm cho người học kiến thức về cấu trúc NP ấy. Sau đó là giai đoạn thực hành (practice) và có thể là một giai đoạn sản sinh thứ hai (production). Ưu điểm của mô hình này là đặt người học vào vị trí trung tâm. GV cung cấp kiến thức tùy thuộc vào mức độ hiểu biết của người học. Vì thế, người học sẽ tập trung, hứng thú hơn; quá trình GT để truyền tải thông tin giữa GV và người học sẽ có ý nghĩa hơn. Tuy nhiên, quy trình này yêu cầu GV cần phải nhanh nhạy với các tình huống diễn ra. Ngoài ra, quy trình *I-I* cũng là quy trình tốt để tăng cường năng

lực GT. Đầu tiên, hiện tượng NP được minh họa bằng ngôn ngữ trong một tình huống GT (Illustration). Sau đó đến giai đoạn tương tác (Interaction), người học tham gia các hoạt động GT như role-play, trò chơi, thảo luận, phỏng vấn. Sau hai giai đoạn trên, người học rút ra được quy tắc NP từ việc quan sát và thảo luận (Induction). Với quy trình này, NP được đặt trong tình huống GT và người học có cơ hội sử dụng nó trước khi ý thức rõ ràng về cấu trúc NP.

3. Các hoạt động, trò chơi nâng cao tính GT trong dạy NP tiếng Anh

Trong thực tế giảng dạy, rất khó có thể tìm được một giáo trình phù hợp hoàn toàn với mọi đối tượng HV có trình độ, sở thích, cách học, mục tiêu khác nhau. Do đó, thay vì phụ thuộc vào giáo trình, GV nên tự điều chỉnh, kết hợp để có thể giảng dạy theo hướng GT nhiều hơn, phục vụ tốt yêu cầu của từng nhóm đối tượng, nâng cao hiệu quả dạy - học.

3.1. Các hoạt động trong phân trình bày (presentation). Điều quan trọng nhất ở phân trình bày là phải làm rõ ngữ cảnh. Qua đó, người học mới có thể hiểu được ý nghĩa và cách sử dụng của cấu trúc. Phần trình bày có thể được thực hiện theo các cách sau:

3.1.1. Giới thiệu cấu trúc NP thông qua ngữ liệu đọc/nghe (input enhancement). Đây là kỹ thuật phổ biến nhất, hay được sử dụng trong các giáo trình GT hiện nay. Phần NP cần học sẽ xuất hiện trong bài đọc hoặc bài nghe. Người học sau khi làm một số bài tập đọc hiểu/nghe hiểu sẽ gạch chân các cấu trúc đó; tiếp đến là thảo luận để tìm ra dạng thức, ý nghĩa và cách sử dụng của cấu trúc. Ví dụ, để dạy thời quá khứ tiếp diễn và phân biệt thời này với thời quá khứ đơn giản, GV có thể sử dụng bài khóa sau:

- On 4th November I arrived in Chicago late in the evening. I wanted to photograph Barack Obama and his family in the Convention Center, but when I got there I discovered that I didn't have my press pass and I couldn't go inside. I walked around the park outside the center... When I took this photo everybody was looking at the TV screen waiting for the election results. Some people were quietly holding hands and smiling - others were tense and nervous. They felt that it was their moment. Suddenly, I realized that this was a better place to be than inside. I was watching Obama's victory through the faces of these people...

Qua bài khóa này, người học biết được rằng thời quá khứ tiếp diễn dùng để nói về các hành động đang diễn ra tại một thời điểm trong quá khứ hoặc là các hành động bị gián đoạn bởi các hành động ngắn xen vào.

3.1.2. Giới thiệu cấu trúc NP thông qua hình ảnh và vật thật. Các đồ vật trong lớp học, giáo trình, tài liệu, tranh ảnh, GV và cả người học đều có thể được sử dụng khi dạy NP. Ví dụ như khi dạy câu mệnh lệnh, GV có thể yêu cầu HV thực hiện các hành động: *stand up, sit down, shake your partner's hand, close your book, go to page 50, don't look at your book*. Qua đó người học có thể hiểu được ý nghĩa của câu mệnh lệnh là yêu cầu ai đó làm gì và cấu trúc đặc biệt mở đầu bằng động từ nguyên thể không có "to".

3.1.3. Giới thiệu cấu trúc NP thông qua tình huống. Tình huống có thể được tạo ra thông qua đóng vai hoặc một câu chuyện do GV kể. Ví dụ khi dạy về câu bị động, GV có thể phân vai cho người học là tên trộm (Joe) và người bị mất ví (Alice): Alice đang đi trên đường thì bị Joe giật mất ví. GV có thể hỏi cả lớp "What is Alice going to tell the police?" để gợi mở câu trả lời sử dụng dạng bị động "My purse was stolen". GV đóng vai cảnh sát đuổi bắt kẻ trộm quanh lớp học và cuối cùng cũng bắt được tội phạm. GV tiếp tục hỏi cả lớp "what happened to the thief?" để người học sử dụng các câu bị động khác trả lời "He was chased. He was caught". Người học có thể chưa hình thành được câu bị động nhưng GV cần hỗ trợ và ghi các ví dụ lên bảng. Sau đó GV có thể hỏi HV đối tượng nào được quan tâm trong các ví dụ trên để rút ra kết luận trong câu bị động, đối tượng chịu tác động của hành động là tâm điểm chú ý.

3.1.4. Giới thiệu NP bằng việc sử dụng kiến thức của HV. Ví dụ khi dạy cấu trúc so sánh hơn/kém (comparative), GV có thể hỏi HV: - GV: Who comes from the city?/HV:.....; - GV: Who comes from the country?/HV:.....; - GV: Which one is peaceful?/HV: The country. GV: Ok, we can say the country is more peaceful than the city.

Việc sử dụng các kĩ thuật trên thay đổi tùy thuộc vào từng hiện tượng NP, kiến thức, sự hứng thú của HV và tài liệu GV có. Các kĩ thuật trên thường giúp cho HV hiểu được cả ý nghĩa và tình huống sử dụng của các cấu trúc NP bên cạnh việc nhận diện hình thái của cấu trúc.

3.2. Các hoạt động cho giai đoạn luyện tập có kiểm soát (practice). Mục tiêu của giai đoạn này là giúp cho người học nắm chắc cấu trúc, ý nghĩa của hiện tượng NP vừa học. Trong các giáo trình thường đã có các bài tập như điền từ, chia động từ, hoàn thành câu, viết lại câu... để luyện tập. Tuy nhiên, GV nên thử nghiệm các hoạt động khác giúp người học GT hiệu quả hơn. Các hoạt động luyện tập có khác nhau về mức độ kiểm soát nhưng ngôn ngữ của người

học trong giai đoạn này thường được khống chế trong kiến thức NP vừa học.

3.2.1. Yêu cầu HV nói/viết về những điều có thật và liên quan đến bản thân họ và sử dụng kiến thức NP vừa học

3.2.2. Guessing game: Ví dụ để luyện tập dạng khẳng định, phủ định, câu hỏi của cấu trúc "be going to do something", GV ghi lên bảng "I am going to this weekend", rồi yêu cầu người học làm việc theo nhóm. Mỗi HV viết một câu về bản thân mình và sử dụng cấu trúc trên. Sau đó những HV khác đặt câu hỏi để biết bạn mình viết gì trong giấy (A: Are you going to go shopping? B: No, I'm not. C: Are you going to have a party? B: Yes, I am).

3.2.3. Find someone who.... Ví dụ để luyện tập thời hiện tại đơn, GV có thể phát cho mỗi HV một tờ giấy như sau, rồi yêu cầu HV đi quanh lớp để tìm câu trả lời. Ai tìm được tất cả các câu trả lời nhanh nhất là người thắng cuộc.

Find someone who ...	Name
... comes from the same hometown	
... has at least two common hobbies	
... can speak another foreign language	
... doesn't sleep until midnight	
...	
...	

3.2.4. Điền tin: Đây là hoạt động GT rất thực tế và hữu ích. HV làm việc theo cặp/nhóm để hỏi đáp thông tin, từ đó hoàn thành những thông tin mình chưa biết. Ví dụ:

Student A	
Karemon (Universal) Genre: (1) Join Karemon and friends as they use their (2) powers to travel all over the world. Watch them defeat the (3) Devilamon. Who is your favourite? Show times: 13:00 and (4) Ticket price: Adults (5) and under 12s \$40	Forever Genre: Romance Can love last forever? Watch this love story set during the long summer months before Sarah has to leave to start university. Show times: 14:00 and 19:00 Ticket price: Adults \$80

Student B	
Karemon (Universal) Genre: Cartoon adventure Join Karemon and friends as they use their magic powers to travel all over the world. Watch them defeat the evil Devilamon. Who is your favourite? Show times: 13:00 and 18:30 Ticket price: Adults \$80 and under 12s \$40	Forever Genre: (1) Can love last forever? Watch this love story set during the long summer months before (2) has to leave to start (3) Show times: (4) and 19:00 Ticket price: Adults (5)

3.3. Các hoạt động ở giai đoạn luyện tập tự do/ giai đoạn sản sinh (production). Các hoạt động ở giai đoạn này tuy rất phong phú nhưng đều chung một đặc điểm là yêu cầu người học sử dụng cấu trúc NP vừa học, kết hợp với các cấu trúc khác để hoàn thành một nhiệm vụ nào đó. Điều quan trọng là GV cần tổ chức các hoạt động sao cho HV vừa GT lại vừa thực tập được các cấu trúc một cách tự nhiên và trôi chảy. Ngôn ngữ của người học ở giai đoạn này tự do, đa dạng và sáng tạo.

3.3.1. Hoạt động đóng vai. Người học nhìn vào các thông tin ghi trên thẻ về vai diễn của mình, nói chuyện với bạn diễn để tìm ra giải pháp: HV A đóng vai một vị khách thuê phòng trong khách sạn. Trên trang web khách sạn nói rằng khách sạn rất sang trọng, nhưng thực tế bạn lại thấy ga giường không sạch, phòng tắm nhỏ, đường phố ồn ào và... (bạn tìm thêm 2 vấn đề nữa). Bạn hãy nói chuyện với nhân viên tiếp tân để giải quyết vấn đề. HV B đóng vai nhân viên tiếp tân. Có một vị khách trong khách sạn phàn nàn về mọi thứ ngay cả khi không có vấn đề gì. Bạn có thể chuyển vị khách này sang một phòng khác nhưng giá phòng thì không thể thay đổi. Hãy nói chuyện với vị khách để giải quyết vấn đề.

Mỗi HV có một cách diễn giải vấn đề, thuyết phục, thương lượng khác nhau. Điều đó làm cho hoạt động GT mang tính cá thể độc đáo và hấp dẫn.

3.3.2. Hoạt động kể chuyện. GV có thể kể phần đầu của câu chuyện và yêu cầu người học kể tiếp câu chuyện theo cá nhân/cặp/nhóm. Đây là một cách rất tốt để người học sử dụng thời quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành và phát triển vốn từ. Ví dụ, GV có thể bắt đầu như sau: *Trên chiếc thuyền cơ riêng có chỏ một tổng thống, một cha xứ, một người lập dị và một người đàn ông thông minh nhất thế giới. Đột nhiên, động cơ phát ra âm thanh rất lạ. Cơ trưởng kiểm tra và phát hiện ra sẽ không có đủ nguyên liệu tới sân bay. Ông ta thông báo cho hành khách về vấn đề và tất cả buộc phải nhảy dù để thoát hiểm. Ông ta và một tiếp viên nữa sẽ lấy 2 dù. Trên máy bay chỉ còn lại 3 chiếc và 4 hành khách sẽ tự quyết định ai sẽ có dù.* Đến đây, GV sẽ chia lớp theo nhóm để viết tiếp câu chuyện. Trong khoảng thời gian nhất định, nhóm nào viết được câu chuyện hay nhất sẽ chiến thắng.

3.3.3. So sánh tranh. Đây là một hoạt động hiệu quả giúp người học sử dụng tất cả vốn ngôn ngữ của mình để miêu tả sự vật (danh từ, động từ, tính từ, giới từ...). Hai HV có thể quay lưng vào nhau, lần lượt sử dụng các câu hỏi để tìm ra sự khác biệt giữa hai bức tranh gần giống nhau.

3.4. Trò chơi. Khi tham gia trò chơi, HV sẽ sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên mà không nghĩ về sự chính xác của cấu trúc câu. Ngoài ra, trò chơi sẽ làm giảm bớt sự lo lắng, do đó HV sẽ tiếp nhận ngôn ngữ một cách dễ dàng và tự nhiên. Trò chơi tạo cơ hội cho những HV nhút nhát thể hiện quan điểm và cảm xúc của mình. Để sử dụng trò chơi có hiệu quả, GV cần phải quen với ngôn ngữ và cấu trúc cần để thực hiện trò chơi đó. Các phần luyện tập có kiểm soát nên thực hiện trước khi bắt đầu trò chơi. Điều này sẽ khuyến khích HV thực hành cấu trúc chuẩn thay vì cấu trúc kiểu tiếng Anh bồi không chính xác. Có vô số các trò chơi để học tiếng Anh nhưng GV cần căn cứ vào đối tượng người học, nội dung bài học, mục tiêu của khóa học để lựa chọn cho phù hợp. Chẳng hạn, trò chơi "Mở ô số" thường được sử dụng để tổng kết và mở rộng các kiến thức HV đã học. Ô số gồm 9 số (từ 1 đến 9) tương ứng với 9 câu hỏi. Các câu hỏi này có thể liên quan tới từ vựng, NP, ngữ âm hay các kĩ năng. Lớp học được chia thành 2 đội lần lượt chọn số để trả lời. Nhóm nào trả lời đúng 3 câu hỏi liên nhau (ngang/ dọc/chéo) là đội thắng cuộc.

Dạy ngôn ngữ có rất nhiều PP, nhưng nhìn chung, NP được tiếp cận theo ba hướng chủ yếu: *đơn thuần NP* (focus on forms), *đơn thuần GT* (focus on meaning) và *GT trên nền tảng NP* (focus on form). Hướng tiếp cận thứ ba đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa NP và GT: NP vừa là phương tiện vừa là mục đích của học NP. Thực tế, việc dạy học NP ở môi trường ngoại ngữ không chuyên như ở Học viện Kỹ thuật quân sự chưa phải lúc nào cũng phản ánh được mối liên hệ không thể tách rời đó. Vì vậy, để nâng cao tính GT trong từng bài giảng NP, mỗi GV cần ý thức được mối liên hệ đó và không ngừng tìm hiểu, áp dụng, chọn lọc các PP, kĩ thuật, hoạt động mới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Celce-Murcia, M. (1998). *Techniques and resources in teaching grammar*. Oxford: Oxford University Press.
- [2] Chomsky, N. (1996). *Linguistic theory*. Oxford: Oxford University Press, pp. 152-159.
- [3] Nunan, D. (2003). *Practical English language teaching*. New York: McGraw Hill.
- [4] Nunan, D. (1991). *Language teaching methodology. A textbook for teachers*. England: Prentice Hall.
- [5] Jack C. Richards - John Platt - Heidi Platt (1992). *Dictionary of language teaching and applied linguistics*. Longman.